

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: Nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: Xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 1.1 Bảng kê vật tư, vật liệu, thiết bị chính sử dụng cho công trình: Xi măng; sắt thép; cát; đá; cấp phối đá dăm; gạch Terazo; đường ống | Có bảng kê vật tư, vật liệu, thiết bị chính đầy đủ nội dung về kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ đảm bảo theo yêu cầu. | Đạt |
| | Không có bảng kê vật tư, vật liệu, thiết bị chính hoặc có bảng kê nhưng không đầy đủ nội dung về kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ đảm bảo yêu cầu. | Không đạt |
| 1.2. Đối với các vật tư, vật liệu, thiết bị chính: Xi măng; sắt thép; cát; đá; cấp phối đá dăm; gạch Terazo; đường ống | Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc từ Nhà sản xuất/Nhà cung cấp (đảm bảo tính khả thi về chất lượng và tiến độ); Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc phải đúng tên gói thầu/ công trình xây dựng đối với các loại vật tư chính. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 1.3. Đối với các vật tư, vật liệu: Cát; đá; cấp phối đá dăm; gạch Terazo | <p><i>Đáp ứng tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là Đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với cát; đá; cấp phối đá dăm Nhà thầu có mỏ vật liệu hoặc có hợp đồng nguyên tắc với Đơn vị cung cấp vật liệu phải kèm theo tài liệu chứng minh gồm: Giấy đăng ký kinh doanh, tài liệu chứng minh chất lượng, trữ lượng. Yêu cầu: Vị trí mỏ phải phù hợp, khả thi đảm bảo cung cấp đủ số lượng, tiến độ theo yêu cầu của gói thầu. - Các Vật liệu Cát; đá; cấp phối đá dăm; gạch Terazo có chứng nhận hợp quy sản phẩm theo QCVN 16:2023/BXD còn hiệu lực - Tất cả các hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp phải đúng tên gói thầu/công trình. | |

| | | |
|----------------------------------|---|------------------|
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 1.4. Yêu cầu về phòng thí nghiệm | Nhà thầu có phòng thí nghiệm hoặc có hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê có năng lực; Nhà thầu hoặc bên cho thuê phải có tài liệu chứng minh được phòng thí nghiệm có mã LAS do Bộ Xây dựng cấp có chức năng thí nghiệm các chỉ tiêu phù hợp cho gói thầu này. Có phương án thí nghiệm khả thi tại hiện trường | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “đạt”. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “không đạt”. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 2.1. Hiểu biết và nhận thức đầy đủ về mặt bằng, hiện trạng xây dựng công trình. | Nêu chi tiết về vị trí xây dựng công trình, hiểu rõ thuận lợi và khó khăn về hiện trạng mặt bằng thi công xây dựng. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.2. Tổ chức, mặt bằng công trường: - Sơ đồ tổ chức của Ban điều hành; - Mặt bằng công trường (lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi vật liệu, chất thải, rào chắn, biển báo...); - Công tác cấp nguồn điện, nước | <i>Đáp ứng tất cả các tiêu chí nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt:</i> - Có nêu đầy đủ sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công, bao gồm cả hệ thống thông tin liên lạc. - Có bản vẽ thể hiện mặt bằng bố trí công trường phù hợp với tổ chức thi công gói thầu (bao gồm: nhà điều hành, lán trại, phòng thí nghiệm, bãi chứa các loại vật liệu, cấu kiện, đường công vụ vận chuyển nội bộ, ...) thông qua bản vẽ đính kèm (của nhà thầu đề xuất hoặc thống nhất bố trí như hồ sơ thiết kế - nếu có). - Có thể hiện được tính khả thi trong việc cung cấp nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. | Đạt |
| | <i>Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu dưới đây được đánh giá là Không đạt:</i> - Không đáp ứng một trong các các tiêu chí nêu trên. - Thể hiện sơ đồ tổ chức của Ban điều hành sơ sài (không xác định trách nhiệm và liên hệ | Không đạt |
| | | |

| | | |
|---|---|------------------|
| | giữa các chức danh, thiếu hệ thống thông tin liên lạc). - Có bản vẽ mặt bằng bố trí công trường nhưng thể hiện bất khả thi và chứng tỏ sự không hiểu biết về công trình để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật (lấn trại và phòng thí nghiệm, việc đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và phù hợp cho gói thầu đối với bãi chứa vật liệu, đường công vụ vận chuyển nội bộ, ...). | |
| 2.3. Giải pháp thi công tổng thể các hạng mục chính: Đường giao thông; vỉa hè, thoát nước | Có đề xuất kế hoạch thi công tổng thể theo các công việc/hạng mục chính của gói thầu, thể hiện rõ ràng số lượng mũi thi công độc lập kèm theo dây chuyền thiết bị chính và nhân lực; các mũi thi công độc lập đảm bảo sự đồng bộ hợp lý và phù hợp với số lượng thiết bị và nhân lực huy động cho gói thầu. | Đạt |
| | - Có thể hiện kế hoạch và mũi thi công nhưng không phù hợp và khả thi (điều kiện thời tiết, khí hậu; tính đồng bộ hợp lý, phù hợp với thiết bị và nhân lực, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, ...). | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “đạt”. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “không đạt”. | Không đạt |

3. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 3.1. Biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho người dân xung quanh và công trình hiện trạng đã có | Có biện pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng | Đạt |
| | Biện pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 3.2. Biện pháp thi công bảo đảm không làm ảnh hưởng tới kết cấu và cấu kiện của công trình hiện trạng phù hợp với quy mô gói thầu tại chương V | Có biện pháp thi công bảo đảm không làm ảnh hưởng tới kết cấu và cấu kiện của công trình hiện trạng | Đạt |
| | Không có biện pháp hoặc có nhưng không phù hợp | Không đạt |
| 3.3. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường đang khai thác | Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường đang khai thác | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc đề xuất không phù hợp. | Không đạt |
| 3.4. Biện pháp thi công hạng mục đường giao thông phù | Có biện pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công | Đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| hợp với quy mô gói thầu tại chương V (<i>Có thuyết minh và Bản vẽ</i>) | và hiện trạng công trình xây dựng | |
| | Biện pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 3.5. Biện pháp thi công hạng mục via hè, thoát nước phù hợp với quy mô gói thầu tại chương V (<i>Có thuyết minh và Bản vẽ</i>) | Có biện pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Biện pháp kỹ thuật không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “đạt”. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “không đạt”. | Không đạt |

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 4.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | - Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 90 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. - Có cam kết các nhân sự chủ chốt có mặt 100% tại hiện trường theo tiến độ thi công của các hạng mục để đảm bảo tiến độ thi công dự án. | Đạt |
| | - Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 90 ngày. - Không có cam kết các nhân sự chủ chốt có mặt 100% tại hiện trường theo tiến độ thi công của các hạng mục để đảm bảo tiến độ thi công dự án. | Không đạt |
| 4.2. Biểu tiến độ thi công - Biểu tiến độ thi công chi tiết hạng mục công trình. - Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị. - Biện pháp bù, đẩy nhanh tiến độ khi cần thiết. | <i>Đáp ứng tất cả các tiêu chí nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt:</i> - Có Biểu tiến độ thi công chi tiết theo các hạng mục của công trình, tương ứng với các mũi thi công độc lập. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với kế hoạch, biện pháp thi công và đáp ứng yêu cầu. - Có biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị đảm bảo phù hợp với biểu tiến độ thi công chi tiết. - Có đề xuất cam kết bổ sung thêm việc huy động thiết bị, tổ nhân lực khi cần đẩy nhanh để đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của hợp đồng (khi việc chậm tiến độ là chủ quan do lỗi nhà thầu hoặc khách quan khác). | Đạt |
| | <i>Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu dưới đây được đánh giá là Không đạt:</i> | Không đạt |

| | | |
|-----------------|---|------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng một trong các các tiêu chí nêu trên. - Có lập Biểu tiến độ nhưng không đầy đủ các hạng mục chính của các công trình thuộc gói thầu, hoặc không phù hợp với kế hoạch thi công tổng thể và các mũi tổ chức thi công độc lập, hoặc không khả thi. | |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “đạt”. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “không đạt”. | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| <p>5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu đầu vào để phục vụ thi công, đảm bảo hợp lý, khả thi và chất lượng công trình</p> | <p><i>Đáp ứng tất cả các tiêu chí nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nêu về Hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình của nhà thầu (bao gồm: sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công; kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ; khắc phục sai sót về chất lượng, tiến độ). - Có nêu về cách thức và biện pháp kiểm soát chất lượng vật liệu và hỗn hợp vật liệu đầu vào khi đưa đến công trình và trước khi sử dụng, trong đó bao gồm các vật liệu chính như: Xi măng; sắt thép; cát; đá; gạch lát; thể hiện tính hợp lý, khả thi để đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình (nguồn gốc mỏ, trữ lượng, tập kết, thí nghiệm, giải pháp xử lý khi phát hiện vật liệu không phù hợp với yêu cầu...). | Đạt |
| | <p><i>Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu dưới đây được đánh giá là Không đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng một trong các các tiêu chí nêu trên. - Hoặc có nêu về cách thức và biện pháp kiểm soát chất lượng vật liệu và hỗn hợp vật liệu đầu, tuy nhiên đối với các vật liệu, hỗn hợp đặc thù như: Xi măng; sắt thép; cát; đá; gạch lát; không thể hiện được các nội dung quan trọng cần quản lý để đảm bảo chất lượng hoặc | Không đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| | không khả thi hoặc sai so với yêu cầu của tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật. | |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công đảm bảo hợp lý, khả thi và chất lượng công trình | <i>Đáp ứng tất cả các nội dung nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt:</i> - Có nêu về cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công đối với các hạng mục công trình hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | <i>Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu dưới đây được đánh giá là Không đạt:</i> - Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu trên. - Có nêu về cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công, tuy nhiên không thể hiện được các nội dung quan trọng cần quản lý để đảm bảo chất lượng hoặc không khả thi hoặc sai so với yêu cầu của tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật. - Hoặc có nêu về cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công, tuy nhiên thiếu, không thể hiện được đối với các hạng mục chính của công trình. | Không đạt |
| 5.3. Biện pháp quản lý tài liệu hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán | Có biện pháp quản lý hồ sơ phù hợp | Đạt |
| | Không có biện pháp hoặc không phù hợp | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “đạt”. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “không đạt”. | Không đạt |

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|--|---|
| 6.1. An toàn lao động | |
| An toàn lao động: Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <i>Đáp ứng tất cả các nội dung nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt:</i> - Có Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn thiết bị thi công tại công trường xây dựng bao gồm: Trang bị an toàn; Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, an toàn giao thông ra vào công trường, đảm bảo an toàn thiết bị thi công...; Đảm bảo hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất |
| | Đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| | <p>về biện pháp tổ chức thi công.</p> <p><i>Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu dưới đây được đánh giá là Không đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu trên. - Có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| <p>Phòng cháy, chữa cháy: Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | <p><i>Đáp ứng tất cả các nội dung nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; - Biện pháp đảm bảo an ninh khu vực và các công trình cùng thi công trong phạm vi của dự án; - Biện pháp phòng chống cháy nổ tại công trường xây dựng bao gồm: Các quy định, quy phạm tiêu chuẩn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ. | Đạt |
| | <p><i>Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu dưới đây được đánh giá là Không đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu trên. - Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 6.3. Vệ sinh môi trường | | |
| <p>Vệ sinh môi trường: Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, tiếng ồn, bụi và khói, rung, kiểm soát nước thải, kiểm soát đồ thải, vệ sinh</p> | <p><i>Đáp ứng tất cả các nội dung nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch và biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Có biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường bao gồm đầy đủ các nội dung như sau: Tiếng ồn, bụi và khói, rung, kiểm soát nước thải, kiểm soát đồ thải, vệ sinh. | Đạt |
| | <p><i>Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu dưới đây được đánh giá là Không đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu trên. - Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường | Không đạt |

| | | |
|-----------------|--|------------------|
| | nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với các yêu cầu của E-HSMT. | |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “đạt”. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “không đạt”. | Không đạt |

7. Bảo hành và Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 7.1. Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành công trình. | - Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 12 tháng và không có kèm theo điều kiện thêm cho chủ đầu tư. | Đạt |
| | - Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng thời gian bảo hành < 12 tháng. - Hoặc đáp ứng về thời gian nhưng có kèm theo điều kiện thêm cho chủ đầu tư. | Không đạt |
| 7.2. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu | | |
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu từ năm 2021 đến nay | - Không bị đánh giá về uy tín khi tham gia dự thầu theo điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. - Không có từ 02 hợp đồng chờ lên bị chậm tiến độ. - Không có hợp đồng chất lượng công trình không đảm bảo. - Không có hợp đồng vi phạm, chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. | Đạt |
| | - Bị đánh giá về uy tín khi tham gia dự thầu theo điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. - Có 02 hợp đồng chờ lên bị chậm tiến độ. - Có hợp đồng chất lượng công trình không đảm bảo. - Có hợp đồng vi phạm, chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “đạt”. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “không đạt”. | Không đạt |